

Bản án số: 148/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐ-ST ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Đăng T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

T trú: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị T tại Việt Nam: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Dương Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị T được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2008 anh đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng anh vẫn liên lạc, quan tâm hỏi thăm nhau trong thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Dương Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Dương Thị Ngọc L, sinh ngày 25/02/2008 và Dương Đăng Hoàng S, sinh ngày 02/4/2012. Hiện cháu L đang sống cùng với ông ngoại là Dương Văn C, cháu S đang sống cùng với anh. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng, giáo dục cháu S, chị T nuôi dưỡng cháu L. Do chị T đang lao động ở nước ngoài nên anh đề nghị tạm giao cháu L cho ông C nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị T về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn C trình bày: Anh T và chị T kết hôn năm 2007, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng ông không biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Anh T, chị T có 02 con chung là cháu Dương Thị Ngọc L, sinh ngày 25/02/2008 hiện đang sống cùng với ông và cháu Dương Đăng Hoàng S, sinh ngày 02/4/2012 hiện đang sống cùng với anh T.

Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị T biết nhưng chị T không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và từ chối cung cấp địa chỉ hiện tại của chị T tại nước ngoài. Chị T có trao đổi với ông, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Dương Thị Ngọc L và đề nghị tạm giao cháu L cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài. Chị T đồng ý để anh T nuôi cháu S. Ông đồng ý nhận nuôi dưỡng cháu Dương Thị Ngọc L trong thời gian chị T ở nước ngoài.

Cháu Dương Thị Ngọc L trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông ngoại là Dương Văn C, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng mẹ à ông Ngoại.

Cháu Dương Đăng Hoàng S trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng bố.

Tại phiên tòa, anh Dương Đăng T, ông Dương Văn C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Dương Đăng T, biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai ông Dương Văn C, biên bản lấy lời khai cháu Dương Thị Ngọc L và Dương Đăng Hoàng S và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh Dương Đăng T có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Dương Thị T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Về hôn nhân: Cho anh Dương Đăng T được ly hôn chị Dương Thị T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Thị Ngọc L, sinh ngày 25/02/2008 cho chị Dương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cho ông Dương Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài. Giao cháu Dương Đăng Hoàng S, sinh ngày 02/4/2012 cho anh Dương Đăng T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Dương Đăng T phải chịu 300.000đ tiền án phí được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Dương Đăng T khởi kiện xin ly hôn chị T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Chị T hiện đang ở nước ngoài anh không có địa chỉ cụ thể của chị T. Theo Công văn trả lời số:10410/QLXNC-P5 ngày 05/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp, chị T xuất nhập cảnh 07 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 01/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vụ án có bị đơn chị T hiện nay đang ở nước ngoài. Địa chỉ cuối cùng của chị T ở Việt Nam tại: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[2.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh Dương Đăng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn C: anh T và ông C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Dương Đăng T, ông Dương Văn C.

[2.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông C là bố chị T, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị T trước khi xuất cảnh lần gần nhất ở Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị T thông qua người thân của chị T là ông Dương Văn C (bố đẻ chị T) và đề nghị ông C thông báo cho chị T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là anh Dương Đăng T và bị đơn là chị Dương Thị T. Ông C cho biết chị T vẫn T xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị T tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đăng T và chị Dương Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị T phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Dương Thị T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Dương Đăng T đối với chị Dương Thị T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T, chị T chung sống với hạnh phúc, Đến năm 2008 anh T đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng liên lạc, quan tâm nhau trong thời gian đầu sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Ngoài ra bố đẻ chị T là ông C cũng xác định vợ chồng chị T, anh T có mâu thuẫn nguyên nhân là gì ông không nắm được. Vợ chồng anh T, chị T hiện nay không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ai có cuộc sống của người đó, không ai quan tâm ai. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh T, chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T, xử cho anh T được ly hôn chị T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Anh T, chị T có 02 con chung là cháu Dương Thị Ngọc L, sinh ngày 25/02/2008 và Dương Đăng Hoàng S, sinh ngày 02/4/2012. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S và đề nghị giao cháu L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cháu L cho ông C là bố đẻ chị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài. Cháu S có nguyện vọng được ở cùng bố, cháu L có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy hiện cháu L đang sống cùng với ông C, cháu S đang sống cùng với anh T. Hiện cháu L và cháu S phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, cháu S có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu S cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu L cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của con chung và nguyện vọng của cháu L và cháu S. Do hiện nay chị T đang ở nước ngoài nên anh T đề nghị tạm giao cháu L cho ông Dương Văn C là bố đẻ chị T nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài, ông C có quan điểm đồng ý nuôi dưỡng cháu L trong thời gian chị T ở nước ngoài, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu này của anh T. Tạm giao cháu L cho ông C nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài là phù hợp và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu L cũng như quyền và nghĩa vụ của ông, bà đối với cháu chưa thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T, ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Dương Đăng T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Anh Dương Đăng T, ông Dương Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Chị Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Dương Đăng T được ly hôn chị Dương Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Đăng Hoàng S, sinh ngày 02/4/2012 cho anh Dương Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Giao cháu Dương Thị Ngọc L, sinh ngày 25/02/2008 cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu Dương Thị Ngọc L cho ông Dương Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong thời gian chị T ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T, chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Dương Đăng T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000037 ngày 31/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Dương Đăng T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Dương Đăng T, ông Dương Văn C, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Dương Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

